

ĐẠI-ĐẠO TAM-KỲ PHỔ-ĐỘ
TÒA THÁNH TÂY NINH

釋迦牟尼

Sơ Lược Tiểu Sử

THÍCH CA
MÂU NI VĂN PHẬT

HIỀN TÀI NGUYỄN VĂN HỒNG

尼文佛

TÀI LIỆU SƯ TÂM 2019
hai • không • một • chín

Ebook được làm theo tài liệu phổ biến trên Website của **ĐAOCÁODAI.INFO**. Mọi góp ý, đề nghị bổ túc, sửa đổi những sơ sót, có thể có, xin vui lòng gửi điện thư vào địa chỉ: *tamnguyen351@live.com*

Thành thật tri ơn **SOẠN GIẢ HIỆN TẠI NGUYỄN VĂN HỒNG, BAN PHỤ TRÁCH PHỔ BIẾN KINH SÁCH WEBSITE ĐAOCÁODAI.INFO** đã bỏ nhiều tâm-huyết và công sức trong việc sưu tập, biên khảo, đánh máy, in ấn hay phổ biến trên Website ngỗ hầu **GIÁO-LÝ ĐẠI-ĐẠO** được phổ truyền rộng rãi, lưu lại di-sản tinh-thần vô-giá cho thế-hệ hiện tại và nhiều thế-hệ tiếp nối mai sau.

California, 11/05/2019

Tâm Nguyễn

Website: tusachCAODAI.wordpress.com

THÍCH CA MÂU NI VĂN PHẬT
(釋迦牟尼文佛)

BIÊN KHẢO | HIỀN TÀI NGUYỄN VĂN HỒNG

MỤC LỤC

THÍCH CA MÂU NI VĂN PHẬT	7
▪ SỰ TÍCH ĐỨC PHẬT THÍCH CA	7
▪ ĐỨC PHẬT LẬP GIÁO HỘI TỶ KHEO NI	14
▪ ĐỨC PHẬT THÍCH CA TRONG ĐẠO CAO ĐÀI	17



TÒA-THÁNH TÂY-NINH

THÍCH CA MÂU NI VĂN PHẬT^[1]

(釋迦牟尼文佛)

- SỰ TÍCH ĐỨC PHẬT THÍCH CA
- ĐỨC PHẬT LẬP GIÁO HỘI TỶ KHEO NI
- ĐỨC PHẬT THÍCH CA TRONG ĐẠO CAO ĐÀI

SỰ TÍCH ĐỨC PHẬT THÍCH CA

A: Sakyamuni Buddha.

P: Çakyamouni Bouddha.

ĐỨC THÍCH CA MÂU NI VĂN PHẬT, GỌI TẮT LÀ ĐỨC PHẬT THÍCH CA, THẾ DANH SĨ-ĐẠT-TA (SIDDATTHA) có nghĩa là người được toại nguyện, họ Cô-Đàm (Gotama), sau đổi họ lại là Thích Ca (Sakya).

Ngài được sanh ra vào ngày mùng 8 tháng 4 âm lịch, năm 623 trước Chúa Giáng sinh, tại vườn Lâm-Tỳ-Ni (Lumbini), ở thủ đô Ca-Tỳ-La-Vệ (Kapilavatthu) của một nước nhỏ ở miền Bắc Ấn Độ, gần biên giới nước Népal ngày nay.

(Về sau này, Đại Hội Phật giáo Thế giới đổi ngày giáng sanh của Đức Phật là ngày trăng tròn 15-4-âm lịch, và bên Phật giáo làm Đại lễ Phật đản vào ngày 15-4-âm này.)

Ngài là Hoàng tử con của vua Tịnh Phạn (Suddhodana)

[1] Sự Tích Thích Ca Mâu Ni Văn Phật được trích ra từ Quyển CAO ĐÀI TỰ ĐIỂN do Hiến Tài Nguyễn Văn Hồng biên soạn.

và Hoàng Hậu Ma-Da (Maha Maya).

Sau khi hạ sanh Hoàng tử được 7 ngày, Hoàng Hậu Ma-Da từ trần, trở về Cung Tiên. Em Bà là Maha Pajapati cũng kết duyên với vua Tịnh Phạn, thay thế người chị ruột, nuôi dưỡng Hoàng tử Sĩ-Đạt-Ta khôn lớn.

Hoàng tử Sĩ-Đạt-Ta lớn lên, hưởng được sự giáo dục hoàn hảo của bậc vua chúa, để sau này lên nối ngôi vua cha trị vì đất nước. Hoàng tử lại là người thông minh xuất chúng, nên Ngài trở thành một người văn võ toàn tài.

Khi lên 16 tuổi, theo phong tục thời bấy giờ, Thái tử kết duyên cùng Công chúa Da-Du-Đà-La (Yasodhara), một người em cô cậu cùng tuổi với Ngài.

Trong suốt 13 năm chung sống sau hôn lễ, Thái tử hoàn toàn sống cuộc đời vương giả, không hay biết chi các nỗi thống khổ của dân chúng ở bên ngoài cung điện.

Một ngày đẹp Trời, Thái tử cùng quan hầu cận đi du ngoạn bên ngoài Hoàng cung để ngắm xem cảnh vật bên ngoài và có thể tiếp xúc với dân chúng.

– Ngài chứng kiến được những nỗi vất vả khổ cực của kiếp sống con người phải lo làm lụng tìm phương sanh sống. Chúng sanh cũng vì sự sống mà tranh giành giết hại lẫn nhau.

– Một ngày khác, Thái tử còn chứng kiến được các cảnh khổ như: già yếu, ốm đau, chết chóc biệt ly.

Vậy thì đời sống của con người có chi là sung sướng?

Ngài nghĩ rằng chỉ riêng phần Ngài là một Thái tử, sắp sửa lên ngôi vua trị vì thiên hạ, thì nghèo đói, Ngài không cần lo, nhưng còn già yếu, ốm đau, rồi chết thì không ai tránh khỏi được. Ngài âm thầm lập chí tìm phương giải khổ cho nhơn sanh.

Tình cờ, Ngài gặp được một tu sĩ ngoài cửa Hoàng thành, với dáng điệu rất ung dung, mặt mày thơ thới vô tư. Ngài đến gần vị tu sĩ ấy để hỏi chuyện, được biết vị tu sĩ ấy xuất gia đi tu học đạo, quyết trừ hết ác căn, lấy lòng từ bi kềm chế dục vọng, hộ niệm cho chúng sanh không nhiễm theo thế tục, để trước là giải thoát cho chính mình, sau là giải thoát cho chúng sanh.

Nghe vậy, Thái tử Sĩ-Đạt-Ta rất hoan hỷ và nhứt quyết sẽ làm như vị tu sĩ ấy.

Vua Tịnh Phạn thấy Thái tử có ý muốn đi tu thì nhà vua không bằng lòng, tìm đủ mọi cách để ngăn cản Thái tử.

Giữa lúc ấy Công chúa Gia-Du-Đà-La, vợ của Thái tử sanh được một hoàng nam. Thái tử không cảm thấy vui mừng, mà lại than rằng: *“Lại thêm một sợi dây trói buộc.”*

Do đó, vua Tịnh Phạn đặt tên cho cháu nội là: Ra-Hầu-La (Rahula, tiếng Phạn có nghĩa là trở ngại).

Ngày mùng 7 tháng 2, năm Thái tử được 29 tuổi, trong lúc vợ con và quan binh trong Hoàng thành ngủ mê sau một bữa tiệc lớn ca xướng tưng bừng, Thái tử gọi quan hầu cận Xa-Nặc (Chana) thắng ngựa Kiên trắc (Kanthaka) để Thái tử trốn khỏi Hoàng cung, đi vào rừng núi thanh vắng, tìm thầy học đạo tu hành.

Nhờ ngựa Kiên trắc chạy rất mau, nên đêm đó, nó đưa Thái tử vượt Hoàng cung, đến một nơi cách kinh đô rất xa. Thái tử tự mình cắt tóc, gỡ gờm trao cho Xa-Nặc, bảo đem về trình với phụ vương, rồi đưa ngựa Kiên trắc cho Xa-Nặc cỡi trở về triều. Thái tử cởi áo Thái tử đổi lấy áo thâm của một người thợ săn, rồi đi vào núi tu hành.

Vua Tịnh Phạn sai các quan Đại Thần đi tìm Thái tử, khuyên nhủ Thái tử trở về triều, nhưng không thể lay chuyển

được ý chí kiên quyết của Thái tử.

Thái tử tìm đến một Đạo sĩ lỗi lạc, tên là Alarama Kalama để xin thọ giáo. Ngài học hết giáo pháp của Alarama, nhưng cảm thấy chưa toại nguyện. Ngài xin từ giã và tìm đến một Đạo sĩ trứ danh khác là Uddaka Ramaputta để xin học Đạo. Ngài cũng học hết giáo pháp của Uddaka, nhưng vẫn chưa thấy được mục tiêu cứu cánh.

Ngài nhận thấy rằng không ai có thể dẫn dắt Ngài đến thành tựu vì những vị mà Ngài đã học vẫn còn nhiều vướng mắc, chưa thoát khỏi vô minh.

Từ đó Thái tử không tìm thầy học đạo nữa, mà tự mình đến chỗ thanh vắng để tự suy nghĩ tìm tòi chơn lý.

Ngài gặp được nhóm 5 tu sĩ mà ông Kiều Trần Như đứng đầu theo ủng hộ Ngài để Ngài thực hành lối tu khổ hạnh. Sau 6 năm tu khổ hạnh như thế, thân mình của Ngài chỉ còn da bọc xương, hơi thở yếu ớt, gần như cái chết sắp đến mà Ngài vẫn chưa đạt được cứu cánh.

Bỗng nhiên có một ông tiều đến gần chỗ Ngài đang thiên định, mang theo một cây đàn, lên dây đàn, đàn một khúc rất hay, đến lúc hay nhất thì dây đàn bỗng đứt, tiếng đàn im bật. Ông tiều nối lại dây đàn, lên dây cho đúng, rồi lại đàn, đàn đến khúc hay nhất thì dây đàn lại đứt. Đứt rồi lại nối, nối rồi lên dây trở lại và đàn. Làm ba hiệp như vậy.

Thái tử đang trì định phải bực bội tỉnh hồn than rằng:

– Ông đàn thì hay mà lên dây chi cho cao quá, đến khúc hay thì dây đứt, cái hay ấy phải hết mùi, rất đáng tiếc!

Ông tiều liền đáp rằng:

– Cái đàn của tôi cũng như cái tu của Ngài. Dây đàn tôi lên cao quá, nên đến chỗ hay thì đứt thì cái hay của tiếng

đàn chẳng hữu ích chút nào; còn cái tu của Ngài, nếu cái cao siêu huyền bí đạt được cơ bất diệt đi nữa thì nó cũng phải chết theo Ngài, còn chi hữu ích cho đời. Tôi cũng lấy làm tiếc vậy!

Lão tiều nói xong, liền xách đàn đi mất. (Trong Kinh cho rằng ông tiều ấy là một vị Phật hóa thân đến cảnh tỉnh Thái tử).

Thái tử suy nghĩ mãi lời nói của ông tiều, liền tỉnh giác, biết mình lầm theo lối tu khổ hạnh, làm suy giảm trí thức và mệt mỏi tinh thần.

Ngài liền dứt khoát từ bỏ lối tu khổ hạnh, cũng như 6 năm trước đây, Ngài đã dứt khoát từ bỏ đời sống lợi dưỡng.

Ngài lại nhớ đến ngày lễ Hạ điền của vua cha trước kia, trong lúc mọi người đang lo làm lễ thì Ngài đến dưới bóng mát của cây trâm, ngồi thiền định và đắc được Sơ Thiên. Ngài nhớ lại và thấy rõ rằng, đó chính mới là con đường dẫn đến giác ngộ. Đó là con đường tu, không sống theo lợi dưỡng, mà cũng không quá khắc khổ, gọi là Trung đạo.

Ngài nhứt định từ bỏ lối tu khổ hạnh. Ngài mệt nhọc lần bước đến bờ sông Ni-Liên-Thiên, xuống tắm rửa sạch sẽ, rồi đi lên, và kiệt sức ngã vào một cội cây bất tỉnh.

May mắn lúc đó có một thiện nữ bưng một bát sữa bột tìm đến cúng dường, thấy một ông đạo đang nằm thoi thóp tại gốc cây, nàng liền đỡ dậy, rồi dâng bát sữa. Thái tử thọ lãnh, uống hết, rồi Ngài định tỉnh trở lại, thấy sức khỏe dần dần được phục hồi, tinh thần bắt đầu sáng khoái.

Ngài cảm ơn nàng thiện nữ (nàng tên là Suyata), rồi Ngài tìm đến một gốc cây Bồ đề to lớn, cành lá sum sê, trái cỏ làm nệm, ngồi tham thiền, phát đại thệ rằng: *“Nếu không thành đạo thì nhứt định không rời khỏi chỗ ngồi này.”*

Trải qua 49 ngày đêm thiền định, Ngài liền ngộ đạo, biết được nguyên nhân sanh tử của con người, tìm được con đường giải thoát chúng sanh thoát vòng luân hồi khổ não. Ngài đắc quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Lúc đó, Thái tử được 35 tuổi, lấy hiệu là: Thích Ca Mâu Ni.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni chưa quyết định truyền bá giáo pháp của Ngài, vì Ngài nghĩ rằng: Như Lai đã khó khăn lắm mới chứng ngộ được giáo pháp ấy. Người đời còn mang nặng tham ái sân hận, không thể hiểu được, vì giáo pháp ấy đi ngược dòng tham ái, giáo pháp rất thâm diệu, khó mà nhận thức được.

Đấng Thượng Đế lo ngại Đức Phật Thích Ca không chịu đem giáo pháp của Ngài truyền dạy cho nhơn sanh, nên ra lệnh cho vị Phạm Thiên Vương đến yêu cầu Phật truyền bá giáo pháp ấy để cứu độ chúng sanh.

Đức Phật Thích Ca nhận lời và tuyên bố: *«Cửa vô sanh bất diệt đã mở cho chúng sanh. Hãy để ai có tai muốn nghe đặt trọn niềm tin tưởng.»*

Trong lúc đó thì nhóm ông Kiều Trần Như 5 người thấy Thái tử bỏ lối tu khổ hạnh, ăn uống trở lại, cho là Thái tử qui phạm trở về lối sống lợi dưỡng, thì 5 vị ấy thất vọng, từ bỏ Thái tử, không ủng hộ Ngài nữa, và họ đi đến ở vườn Lộc giả.

Đức Phật Thích Ca thâm nghĩ, cũng tội nghiệp cho 5 ông nầy, vì đã theo ủng hộ Phật trong một thời gian dài, gần 6 năm. Nay Ngài đã đắc đạo Vô thượng Bồ đề, Ngài cũng nên đến độ 5 ông nầy trước tiên.

Đức Phật vận thần thông để tìm xem nhóm 5 ông nầy đang ở đâu, thì biết 5 ông đang ở vườn Lộc giả xứ Bénarès.

Đức Phật liền đi đến đó. Nhóm 5 ông định không đánh lễ Ngài vì cho rằng Ngài đã qui phạm, nhưng khi Đức Phật

đến gần, với vẻ oai nghi đầy từ bi, khiến 5 Đạo sĩ đổi thái độ, ra đảnh lễ Đức Phật.

Đức Phật Thích Ca thuyết cho 5 ông nghe giáo pháp Tứ Diệu Đế. Đây là bài pháp đầu tiên mà Đức Phật thuyết cho 5 vị được nghe, cả 5 vị liền giác ngộ, đắc quả A-La-Hán, trở thành 5 đệ tử đầu tiên của Đức Phật. Nhóm 5 vị này có tên lần lượt là: *Kiêu Trần Như*, *A-Xá-Bà-Thệ*, *Ma-Ha-Bạt-Đề*, *Ma-Ha-Câu-Lợi*, *Thập-Lục-Ca-Diếp*.

Đây là lần đầu tiên, Đức Phật chuyển diệu pháp luân, nói pháp Tứ Diệu Đế, giáo pháp căn bản của Phật giáo.

Bắt đầu từ đây có đủ Tam Bảo Phật giáo: Đức Phật Thích Ca là **Phật Bảo**, giáo pháp Tứ diệu Đế là **Pháp Bảo**, 5 vị Tỳ Kheo đệ tử đầu tiên của Phật là **Tăng Bảo**. Ấy là ngôi Tam Bảo đầu tiên của thế gian.

Đức Phật Thích Ca cùng 5 vị Tỳ Kheo đi khắp nơi thuyết pháp, độ được hằng vạn đệ tử xuất gia, đủ các hạng người trong tất cả giai cấp ở Ấn Độ, không phân biệt giàu nghèo, sang hèn, quan dân, hay vua chúa.

Những sự kiện quan trọng trong công cuộc hoằng hóa của Đức Phật là:

- Độ được ba anh em Ca-Diếp-Ba đang tu theo đạo thờ Thần lửa. Ba ông này có 1000 đệ tử, cùng qui y theo Phật.
- Độ được hai ông Xá-Lợi-Phất và Mục-Kiều-Liên, nguyên là hai học giả của phái Lục sư ngoại đạo.
- Độ được Quốc vương Tân-Bà-Sa-La của nước Ma-Kiệt-Đà. Quốc vương đã kính tin Phật pháp, lại khuyến khích dân chúng qui y Phật pháp. Nhà vua cho xây dựng Tịnh Xá rộng rãi trong nội thành để thỉnh Phật và chư tăng đến thuyết pháp thường xuyên.

- Độ được vị Phú Trưởng giả Cấp-Cô-Độc. Ông này kiến lập một tòa Tịnh Xá cao rộng tôn nghiêm, gọi là Kỳ-Thọ Cấp-Cô-Độc Viên, để Đức Phật và chư Tăng giảng đạo.
- Độ được Phụ vương của Phật là vua Tịnh Phạn và quyền thuộc của Đức Phật.

Đức Phật Thích Ca chọn ra được 10 vị đại đệ tử xuất sắc nhất của Phật giáo, kể tên ra sau đây:

1. Xá Lợi Phất	2. Mục Kiền Liên
3. Đại Ca Diếp	4. A Nan
5. A Na Luật	6. Phú Lâu Na
7. Tu Bồ Đề	8. Ưu Ba Ly
9. Ca Chiên Chiên	10. La Hầu La.

ĐỨC PHẬT LẬP GIÁO HỘI TỲ KHEO NI

Sau khi vua Tịnh Phạn qua đời, Hoàng Hậu Maha Pajapati (là mẹ nuôi, mà cũng là dì ruột của Đức Phật) cầu xin Đức Phật cho hàng phụ nữ được xuất gia tu hành.

Đức Phật liền từ chối ngay mà không cho biết lý do.

Bà Maha Pajapati đã ba lần khẩn cầu như thế, nhưng Đức Phật đều từ chối.

Ông Ananda, cũng ba lần dùng hết cách để cầu xin Đức Phật cho phụ nữ xuất gia, nhứt là đối với Bà mẹ nuôi của Đức Phật, nhưng Đức Phật vẫn cương quyết từ chối. Đến lần thứ 4, Đức Phật mới chấp thuận.

Lý do từ chối của Đức Phật là:

“Trong Luật Tạng có ghi mấy lời của Đức Phật như vậy:

Nền Chánh pháp của Ta, đáng lẽ trụ thế 1000 năm hoặc lâu hơn nữa, nhưng trót vì Ta đã cho hàng phụ nữ xuất gia, nên nền Chánh pháp bị giảm bớt, chỉ trụ thế 500 năm mà thôi.”

■ (Trích trong *Phật Học Từ Điển của Đoàn Trung Còn*, trang 376)

Theo đó thì chúng ta thấy rằng, nếu chấp thuận cho hàng phụ nữ xuất gia học Phật tu hành, lập Giáo Hội Tỳ Kheo Ni thì Chánh pháp của Phật sớm bị sửa cải, chỉ kéo dài được 500 năm mà thôi, thay vì được 1000 năm nếu không thu nhận phụ nữ xuất gia.

Nhưng trước sự quyết tâm chân thành của Bà mẹ nuôi, với lòng từ bi bác ái của Phật, Đức Phật không nỡ bỏ Nữ phái mà không lập Giáo Hội Tỳ Kheo Ni, mặc dầu biết rằng việc này làm cho thời kỳ Chánh pháp của Phật giảm đi một nửa, chỉ kéo dài 500 năm.

“Khi Đức Phật cho thành lập Giáo Hội Tỳ Kheo Ni, Ngài đã tiên đoán những hậu quả và lưu ý:

*Này Ananda, nếu Nữ giới không được chấp thuận thoát ly thế tục để khép mình vào nếp sống không nhà cửa trong khuôn khổ của Giáo pháp và Giới luật mà Như Lai đã công bố thì đời sống xuất gia và Giáo pháp cao siêu sẽ tồn tại lâu dài. Nhưng Nữ giới đã được phép sống đời không nhà cửa thì đời sống xuất gia và Giáo pháp cao siêu **chỉ tồn tại phân nửa thời gian.**”*

■ (Trích *Đức Phật và Phật Pháp*, của Đại Đức Narada, trang 152).

Sau khi Đức Phật lập Giáo Hội Tỳ Kheo Ni, Bà Maha Pajapati tu đắc quả A-La-Hán, được liệt vào hàng cao cấp có nhiều kinh nghiệm nhất, không thua bên Nam phái.

Công Chúa Da-Du-Đà-La (vợ của Thái tử Sĩ-Đạt-Ta) cũng xuất gia tu hành, đắc quả A-La-Hán. Trong hàng Tỳ

Kheo, Bà Da-Du-Đà-La đứng đầu những vị đắc Đại Thân Thông, và Bà nhập diệt lúc 78 tuổi.

Đức Phật đi khắp nơi trong miền Bắc Ấn Độ thuyết pháp được 45 năm mới nhập Niết Bàn, hưởng thọ 80 tuổi.

Trong Hội Linh Sơn trước đây, Đức Phật chọn Ma-Ha Ca-Diếp tức là Đại Ca-Diếp làm người kế vị cho Ngài điều khiển Giáo Hội. Hôm đó, Đức Phật cầm cành hoa sen đưa lên cao và im lặng. Cả hội chúng đều ngơ ngác không hiểu, chỉ có Ma-Ha Ca-Diếp đắc ý mỉm cười (gọi là Đức Phật niêm hoa, Ca-Diếp vi tiểu).

Đức Phật bảo Ma-Ha Ca-Diếp:

– Ta có Chánh Pháp Nhãn Tạng, Niết Bàn Diệu Tâm, Pháp môn mẫu nhiệm, chẳng lập văn tự, truyền riêng ngoài giáo lý, nay Ta giao phó cho ngươi. Ngươi khéo gìn giữ Chánh pháp này, truyền mãi đừng cho dứt, đến sau truyền lại cho A-Nan.

Rồi Đức Phật nói kệ:

*Pháp bốn pháp vô pháp,
Pháp vô pháp diệt pháp,
Kim phó vô pháp thời,
Pháp pháp hà tăng pháp.*

Nghĩa là:

*Pháp gốc pháp không pháp,
Pháp không pháp cũng pháp,
Nay khi trao không pháp,
Mỗi pháp đâu từng pháp.*

Khi nghe tin Đức Phật nhập Niết Bàn, Ngài Ma-Ha Ca-Diếp từ núi Kỳ-Xà-Quật liền đến thành Câu-Thi-Na làm lễ hỏa táng thi hài Đức Phật, lấy Xá lợi của Phật chia làm

8 phần phân phát cho 8 nơi, kiến tạo đài tháp phụng thờ:

1. Câu-Thi-Na	2. Pa-Bà
3. Giá-La	4. La-Ma-Già
5. Ca-Tỳ-La-Vệ	6. Tỳ-Lưu-Đề
7. Tỳ-Xá-Ly	8. Ma-Kiệt-Đà.

ĐỨC PHẬT THÍCH CA TRONG ĐẠO CAO ĐÀI

Đức Phật Thích Ca là Giáo chủ Phật giáo thời Nhị Kỳ Phổ Độ. Đạo Phật từ đó truyền đến nay được hơn 2500 năm.

Ngày nay là thời Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế mở Đạo Cao Đài. Lúc ban sơ, Đức Phật Thích Ca có giảng cơ dạy đạo như sau:

► *Ngày 8 tháng 4 năm Bính Dần (1926).*

THÍCH CA MÂU NI PHẬT

*Chuyển Phật Đạo,
Chuyển Phật Pháp,
Chuyển Phật Tăng,
Qui nguyên Đại Đạo.
Tri hồ chư chúng sanh?*

*Khánh hỷ! Khánh hỷ! Hội đắc Tam Kỳ Phổ Độ: Chư
Thần, Thánh, Tiên, Phật, đại hỷ phát đại tiểu!*

*Ngã vô lự Tam đồ chi khổ. Khả tùng giáo Ngọc Đế viết
Cao Đài Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.”*

■ (TNHT. I. 14)

Bài giảng cơ bằng chữ Nho của Đức Phật Thích Ca,

diễn Nôm ra sau đây:

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni chuyển Phật đạo, chuyển Phật pháp, chuyển Phật tăng, qui nguyên Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Chư chúng sanh có biết chăng?

Vui mừng! Vui mừng! Hội được vào Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ: Chư Thần Thánh Tiên Phật quá mừng nên phát ra tiếng cười lớn.

Ta không còn lo lắng về ba đường luân hồi khổ sở. Khá từng theo lời dạy bảo của Đấng Ngọc Hoàng Thượng Đế, gọi là Đấng Cao Đài Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.

Đức Phật Thích Ca có giáng cơ ban cho hai bài kinh rất quan trọng là: Kinh Đại Tường và Di-Lạc Chơn Kinh.

Hai bài kinh này cho chúng ta biết, Đức Phật Thích Ca đã giao quyền giáo hóa lại cho Đức Phật Di-Lạc trong thời Tam Kỳ Phổ Độ, nên Đức Phật Thích Ca vào ngự nơi Kim Sa Đại điện trong Lôi Âm Tự, và Đức Phật Di-Lạc ngự tại Kim Tự Tháp ở kinh đô Cực Lạc Thế Giới nơi cõi thiên liêng.

Còn Đức Phật A-Di-Đà, trước đây là Giáo chủ CLTG, nay cũng giao quyền lại cho Đức Phật Di-Lạc, và Ngài cũng vào ngự nơi Lôi Âm Tự. (*Vào Lôi Âm kiến A-Di*).

Hằng năm, vào ngày mùng 8 tháng 4 âm lịch, tại Tòa Thánh Tây Ninh cũng như tại các Thánh Thất địa phương, đều có thiết Đại Lễ cúng Vía Đức Phật Thích Ca, có Chúc sắc thuyết đạo nhắc lại tiểu sử và công đức của Ngài. (*Trong lúc đó thì Giáo hội Phật giáo VN làm Đại lễ Phật đản vào ngày 15 tháng 4 âm lịch, theo quyết định của Hội Phật giáo thế giới*). ■

THÍCH CA MÂU NI VĂN PHẬT
(釋迦牟尼文佛)
BIÊN KHẢO HT. NGUYỄN VĂN HỒNG